

Số: 06 /KH-THPTAD

An Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện Chuyển đổi số Giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 21/9/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2023; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban thường vụ Thành ủy Hải Phòng về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Trường THPT An Dương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

#### I. MỤC TIÊU

Triển khai thành công Chuyển đổi số trong nhà trường theo mục tiêu tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 21/9/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2023; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban thường vụ Thành ủy Hải Phòng về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

#### 1. Mục tiêu đến năm 2025

##### 1.1. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Đảm bảo hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng Internet băng thông rộng, có đầy đủ thiết bị thu phát tín hiệu mạng, đáp ứng toàn bộ máy tính các phòng chức năng, phòng học có thể truy cập cùng một thời điểm. Giáo viên và học sinh có thể sử dụng Wifi để phục vụ nhu cầu giảng dạy và học tập tại trường.

- Giáo viên và học sinh có đủ điều kiện (phương tiện, phần mềm) để thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Có đủ phòng máy tính (theo định mức tối thiểu - 02 phòng máy), có 01 phòng thí nghiệm công nghệ cao (phòng lab) phục vụ nhu cầu thực hành thí nghiệm, đáp ứng giáo dục theo phương pháp STEAM (Khoa học - công nghệ - kỹ thuật - nghệ thuật - toán học).

**1.2. Đổi mới về quản trị nhà trường, phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với nhà trường, giáo viên và học sinh**

- Trên 80% tổng số hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường số (Trừ những hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hoàn thiện thu thập thông tin, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung ngành giáo dục thành phố Hải Phòng, 100% hồ sơ của CBGVNV và HS được quản lý bằng hồ sơ số và dữ liệu trường được chia sẻ với CSDL dùng chung của ngành và Bộ GDĐT. 100% thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh được bồi dưỡng các kỹ năng cần thiết trong môi trường số.

- 80% các đầu số, hồ sơ quản lý nhà trường được số hóa.

- Triển khai thành công thanh toán học phí qua ngân hàng.

- Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số. Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng.

- Xây dựng kho học liệu số bao gồm: Các bài giảng E-learning, các video bài giảng, các hình ảnh minh họa, các thí nghiệm ảo,... phục vụ các bài học, các chủ đề học tập.

- Triển khai dạy học trực tuyến, 20% nội dung chương trình giáo dục phổ thông được dạy – học trực tuyến. 100% giáo viên và học sinh có thể sử dụng được các nền tảng dạy, học trực tuyến

- Triển khai kiểm tra, đánh giá trực tuyến trên hệ thống do Sở GDĐT xây dựng. Có thể đáp ứng được định hướng thi THPT một phần thi trên máy tính của Bộ GD&ĐT.

**2. Mục tiêu đến năm 2030**

- 100% công việc quản lý, điều hành trong toàn trường được xử lý trên môi trường mạng, có hồ sơ điện tử (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Trên 70% hoạt động kiểm tra của trường được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của ngành giáo dục.

- Có hạ tầng mạng internet đảm bảo, đảm bảo hạ tầng mạng băng rộng cáp quang.

- Tham gia xây dựng kho học liệu số ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu dạy học cấp học phổ thông. Chuẩn hóa các nội dung, chương trình giáo dục phổ thông được dạy – học trực tuyến, hình thành công nghệ phục vụ giáo dục, đáp ứng đào tạo cá thể hóa.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến trên hệ thống do Sở GDĐT xây dựng.

- 100% các đầu sỏ, hồ sơ quản lý trong nhà trường được số hóa. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về chuyển đổi số.**

1.1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong nhà trường; tổ chức, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước, của thành phố Hải Phòng về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch, nhiệm vụ của nhà trường.

1.2. Tổ chức tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

1.3. Tổ chức các khóa bồi dưỡng, kỹ năng chuyển đổi số cho đội ngũ giáo viên, học sinh.

1.4. Tham gia các khóa học chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số, đặc biệt an ninh, an toàn thông tin trong chuyển đổi số do Sở GD tổ chức.

1.5. Tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

1.6. Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên website của nhà trường.

1.7. Tổ chức đánh giá, khen thưởng, động viên kịp thời đối với các đơn vị tổ, cá nhân có các giải pháp, cách làm sáng tạo hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số của nhà trường.

1.8. Tích cực triển khai nhanh, hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, của UBND thành phố Hải Phòng, của Sở GDĐT liên quan tới chuyển đổi số.

### **2. Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể.**

2.1. Tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ giáo viên và học sinh.

2.2. Xây dựng đội ngũ cốt cán chuyển đổi số.

2.3. Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng CNTT cho 100% đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo mục tiêu chuyển đổi số.

2.4. Hoàn thiện hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số (đường

truyền internet băng rộng, phòng máy tính thực hành, âm thanh,...) phục vụ dạy học trên các phòng học, phòng sinh hoạt chuyên môn chung.

2.5. Hoàn thiện thu thập thông tin cán bộ giáo viên và học sinh lên CSDL ngành.

2.6. Áp dụng các phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc điện tử nhà trường.

2.7. Triển khai dạy học trực tuyến; triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số.

2.8. Số hóa hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường.

2.9. Tham gia xây dựng hệ thống học liệu dùng chung phục vụ dạy học, phục vụ người tự học, tự nghiên cứu trên nhiều phương tiện khác nhau bao gồm cả thiết bị di động.

2.10. Sử dụng các phần mềm quản lý tài chính, tài sản do ngành cung cấp.

2.11. Từ năm học 2023 - 2024 thực hiện thí điểm thu học phí và các khoản thu thỏa thuận không dùng tiền mặt.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xây dựng kế hoạch triển khai chuyển đổi số, phân công 01 Phó Hiệu trưởng chỉ đạo về lĩnh vực chuyển đổi số. Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số trong đó Hiệu trưởng là trưởng ban.

2. Rà soát, đánh giá, bổ sung hạ tầng CNTT của nhà trường để đáp ứng việc triển khai công tác chuyển đổi số.

4. Chủ động làm việc với các đơn vị cung cấp phần mềm quản lý bổ sung chức năng phục vụ nhu cầu quản lý riêng của đơn vị. Giám sát và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của dữ liệu báo cáo lên cấp trên.

5. Thực hiện tốt việc tuyên truyền, thay đổi nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục - đào tạo, thích ứng với sự phát triển của xã hội số.

6. Báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất cho Sở GDĐT việc thực hiện Kế hoạch, các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Kế hoạch tại nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trường THPT An Dương giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Yêu cầu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường nghiêm túc thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- BGH (chỉ đạo);
- VT (lưu).

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG  
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
AN DƯƠNG

Ngô Quang Hoài



**BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRƯỜNG THPT AN DƯƠNG**  
(Tính đến thời điểm 22/3/2023)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	<b>Chuyển đổi số trong dạy, học</b>	<b>100</b>			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)			Chưa ban hành	Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến			Chưa ban hành	Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	30	Tối đa 6 điểm	- Đã triển khai phần mềm dạy học trực tuyến dạng miễn phí: Zoom, google meet, team. Mới dừng ở mức độ đơn giản: GV tổ chức dạy học dưới dạng cuộc họp. <b>Tự Chấm điểm: 4 điểm</b>	Đường link
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.		Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.	- Đối với LMS: đã tham gia hệ thống bồi dưỡng chuyên môn trực tuyến do Sở cung cấp - chỉ với giáo viên. Còn đối với học sinh thì chưa có - Đối với LCMS: chưa có. Các nội dung (1), (2), (3), (4) chưa triển khai thực hiện. Nhà trường đã từng sử dụng (dùng thử) app onluyen.net - trên nền tảng web đối với LMS/LCMS, tuy nhiên đến nay đã dừng lại. Nếu tiếp tục thì phải có nguồn kinh phí (từ nhà trường - quản trị, từ học sinh - phí sử dụng). <b>Tự chấm điểm: 2 điểm.</b> <b>Mục 1.3 tổng 6 điểm Đạt mức độ 1</b>	



1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	<p>- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.</p> <p>- Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.</p> <p>- Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm</p>	<p>Đã triển khai số hóa học liệu (giáo viên đưa kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy đưa được tổ nhóm chuyên môn thông qua, phê duyệt lên hệ thống quản lý chuyên môn của Sở.</p> <p>Tuy nhiên chưa có hệ thống học liệu dạng tài liệu tham khảo.</p> <p><b>Tự chấm điểm: 8 điểm. Đạt mức độ 3</b></p>	Đường link và số lượng học liệu
1.5.	<p>Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)</p> <p>Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường</p>	20	<p>Tối đa 15 điểm</p> <p>Tối đa 5 điểm</p>	<p>Chưa triển khai</p> <p>Chưa triển khai.</p> <p><b>Tự chấm điểm 0 điểm. Đạt mức độ 1</b></p>	Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai
1.6.	<p>Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số:</p> <p>- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu</p> <p>- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học</p>	20	<p>&lt; 30%: tối đa 2 điểm;</p> <p>30%-60%: tối đa 4 điểm;</p> <p>&gt; 60%: tối đa 7 điểm</p> <p>&lt; 30%: tối đa 2 điểm;</p> <p>30%-60%: tối đa 4</p>	<p>100% giáo viên có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến. (tài khoản trên hệ thống bồi dưỡng do Sở cung cấp)</p> <p><b>Tự chấm điểm: 7 điểm</b></p> <p>100% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ dạy học.</p> <p><b>Tự chấm điểm: 7 điểm</b></p>	

			điểm; > 60%: tối đa 7 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 6 điểm	100% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. <b>Tự chấm điểm: 6 điểm.</b> <b>Mục 1.6 tổng 20 điểm. Đạt mức độ 3</b>	
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	< 20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; > 60%: tối đa 8 điểm	35 phòng học được trang bị TV/máy chiếu, máy tính kết nối internet. <b>Tự chấm điểm: 5 điểm</b>	
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học[1]		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm	<b>Tự chấm: 5 điểm. Đạt mức độ 2</b> (mỗi HS đc sử dụng 1 máy tính)	
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc		Tối đa 5	Chưa có phòng Studio. Tự chấm 0 điểm	

	xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		<i>điểm</i>	<b>Mục 1.7 tổng 10 điểm. Đạt mức độ 2</b>	
<b>2.</b>	<b>Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	<b>100</b>			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)			Đã thành lập Ban chỉ đạo	Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số			Đã ban hành	Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	<i>Tối đa 6 điểm</i>	Đã triển khai phần mềm quản trị nhà trường (Hệ thống quản lý CSDL - do Sở cấp) <b>Tự chấm 6 điểm</b> Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3 : trên 50 điểm	Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		<i>Tối đa 6 điểm</i>	Đã triển khai (Quản lý CSDL). <b>Tự chấm 6 điểm</b>	
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		<i>File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm</i>	Đã triển khai. (file PDF), chưa có chứng thư số. <b>Tự chấm 3 điểm</b>	
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		<i>Tối đa 6 điểm</i>	Đã triển khai (triển khai ở mức độ cập nhật thông tin CSDL cá nhân lên hệ thống). <b>Tự chấm 6 điểm</b>	
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		<i>Tối đa 10 điểm</i>	Chưa triển khai. <b>Tự chấm 0 điểm</b>	
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học,		<i>Tối đa 10</i>	Chưa triển khai. <b>Tự chấm 0 điểm</b>	

	quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		<i>điểm</i>		
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		<i>Tối đa 6 điểm</i>	Chưa triển khai. <b>Tự chấm 0 điểm</b>	
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		<i>Tối đa 6 điểm</i>	Đã triển khai. <b>Tự chấm 6 điểm</b> <b>Mục 2.3 tổng 27 điểm. Đạt mức độ 2</b>	
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	<i>Tối đa 8 điểm</i>	Đã triển khai (enet viet, zalo, web). <b>Tự chấm 6 điểm</b>	Đường link/ Quy chế/ Văn bản
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		<i>Tối đa 12 điểm</i>	Chưa triển khai. <b>Tự chấm 0 điểm</b>	
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		<i>Tối đa 10 điểm</i>	Chưa triển khai. <b>Tự chấm 0 điểm</b> <b>Mục 2.4 tổng 6 điểm. Đạt mức độ 1</b>	

**Tổng hợp:****1. Tiêu chí chuyển đổi số trong dạy, học gồm:**

- + Tiêu chí 1.3 Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: tổng 6 điểm - Đạt mức độ 1 - Chưa đáp ứng;
- + Tiêu chí 1.4 Số hóa học liệu: tổng 8 điểm - Đạt mức độ 3 - Đáp ứng tốt;
- + Tiêu chí 1.5 Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh trên phòng máy, sử dụng máy tính có kết nối với hệ thống quản trị nhà trường: tổng 0 điểm - Đạt mức độ 1 - Chưa đáp ứng;
- + Tiêu chí 1.6 Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: tổng 20 điểm - Đạt mức độ 3 - Đáp ứng tốt;
- + Tiêu chí 1.7 Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: tổng 10 điểm - Đạt mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản;

**2. Tiêu chí chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục gồm:**

- + Tiêu chí 2.3 Triển khai phần mềm quản trị nhà trường: tổng 27 điểm - Đạt mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản;
- + Tiêu chí 2.4 Triển khai dịch vụ trực tuyến: tổng 6 điểm - Đạt mức độ 1 - Chưa đáp ứng.

**BẢNG CHI TIẾT CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUYÊN ĐỔI SỐ TRƯỜNG THPT AN DƯƠNG**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-THPTAD ngày 22/3/2023)

STT	Nội dung	Công việc cần thực hiện	Phụ trách	Tiến độ	Ghi chú
1	Thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch	Thành lập ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ các thành viên, xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết	Ban giám hiệu	Hoàn thành trước 01/4/2023	
2	Tập huấn về chuyên đổi số cho CBGV và HS toàn trường.	Tổ chức các lớp tập huấn cho GV, NV, HS của đơn vị về chuyên đổi số trong giáo dục.	Ban giám hiệu	Hoàn thành trước 30/4/2023.	Mời, thuê hoặc tham vấn các chuyên gia về lĩnh vực chuyên đổi số trong giáo dục để tổ chức tập huấn.
3	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng CNTT cho 100% đội ngũ CB, GV, NV, học sinh toàn trường đảm bảo mục tiêu chuyên đổi số.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CBQL tham gia các lớp bồi dưỡng về khai thác sử dụng CSDL ngành giáo dục; hệ thống quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành, quản lý hồ sơ công việc điện tử.</li> <li>- Đối với giáo viên: Bồi dưỡng kỹ năng dạy học trực tuyến.</li> <li>- Cử nhân viên tham gia bồi dưỡng kỹ năng khai thác các phần mềm chuyên môn: Phần mềm quản lý văn bản đối với nhân viên Văn thư, phần mềm hoạch toán các khoản thu và phần mềm kế toán đối với nhân viên Kế toán.</li> <li>- Đối với học sinh: bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng mạng internet, phần mềm học tập trực tuyến thông minh, an toàn.</li> </ul>	Ban giám hiệu, tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn, nhân viên phụ trách CSDL	Hoàn thành tháng 8/2023.	
4	Hoàn thiện hạ tầng CNTT tại nhà trường đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số (đường truyền Internet băng rộng,	- Tập trung rà soát cơ sở vật chất hiện có theo từng nhóm (Máy tính/Thiết bị mạng/ đường truyền mạng	Ban giám hiệu	Hoàn thành trước 31/8/2023.	Đ/c Bích lập kế hoạch rà soát, đề xuất giải pháp

	phòng máy tính thực hành, máy chiếu, Tivi, màn hình Led, âm thanh,... phục vụ dạy học trên các phòng học, phòng sinh hoạt chuyên môn chung tại nhà trường; thiết bị đầu cuối phục vụ cho hoạt động họp, hội thảo, hội nghị, hoạt động chuyên môn trực tuyến trong toàn trường.	internet/Thiết bị bảo mật/ Máy chiếu, Tivi/ Âm thanh trong lớp học/Thiết bị chỉ phục vụ cho công tác văn phòng); rà soát việc sắp xếp, bố trí, lắp đặt (hợp lý/chưa hợp lý) và hiện trạng kỹ thuật từng loại (Đáp ứng tốt yêu cầu/ Đáp ứng yêu cầu/ Không đáp ứng được yêu cầu cần bổ sung, thay mới).			
5	Hoàn thiện thu thập thông tin, chuẩn hóa CSDL dùng chung ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng; kết nối hệ thống CSDL dùng chung với các phần mềm nghiệp vụ trong toàn ngành như: quản lý tuyển sinh đầu cấp, quản lý thi tốt nghiệp THPT, quản lý sức khỏe, y tế học đường, quản lý nhà trường, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính...; liên thông 100% dữ liệu báo cáo lên cơ sở dữ liệu của Sở GD, Bộ GDĐT.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp chuẩn xác dữ liệu đơn vị gồm: Thông tin nhà trường, thông tin cán bộ, thông tin học sinh, thông tin về ngân sách, thông tin về cơ sở vật chất</li> <li>- Khai thác các chức năng của phần mềm quản lý nhà trường trong công tác quản lý.</li> <li>- Chủ động làm việc với các đơn vị cung cấp phần mềm quản lý bổ sung chức năng phục vụ nhu cầu quản lý riêng của đơn vị.</li> <li>- Giám sát và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của dữ liệu báo cáo lên cấp trên.</li> </ul>	Ban giám hiệu, GVCN, Kế toán, nhân viên phụ trách CSDL	Chuẩn hóa dữ liệu và đẩy dữ liệu lên CSDL dùng chung của Sở GD&ĐT theo tháng.	- Đ/c Đông, đ/c Mùi phụ trách việc hoàn thiện CSDL của nhà trường, CBGVNV và HS (phối hợp với GVCN cập nhật, chính xác hóa các trường thông tin HS);
6	Áp dụng các phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc điện tử toàn trường.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản liên thông với các cơ quan, tổ chức theo trực liên thông của thành phố và trực liên thông quốc gia.</li> <li>- Thực hiện sắp xếp, lưu trữ hồ sơ điện tử, xử lý văn bản điện tử theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư.</li> <li>- Thực hiện giao việc, xử lý công việc trên hệ thống phần mềm QLVB đến cán bộ, giáo viên cấp Tổ chuyên môn và tương đương.</li> </ul>	Ban giám hiệu, GVCN, Kế toán, nhân viên phụ trách CSDL, tổ trưởng, nhóm trưởng CM	Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ bằng văn bản hoặc trực tuyến về Sở GDĐT theo lịch của Sở.	

7	Triển khai dạy học trực tuyến; triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số; phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc với đơn vị cung cấp phần mềm dạy, học trực tuyến, lựa chọn giải pháp phù hợp với nhà trường để triển khai cho giáo viên, học sinh</li> <li>- Xây dựng đội ngũ cốt cán của trường.</li> <li>- Tập huấn đại trà cho toàn bộ đội ngũ giáo viên.</li> </ul>	Ban giám hiệu, GVCN, Kế toán, nhân viên phụ trách CSDL, tổ trưởng, nhóm trưởng CM	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thời điểm hoàn thành tập huấn đại trà: 31/12/2023.</li> <li>- Nhà trường báo cáo định kỳ theo yêu cầu của các Phòng chuyên môn của Sở.</li> </ul>	Đa dạng hình thức tập huấn (trực tiếp hoặc trực tuyến qua mạng internet).
8	Xây dựng, triển khai hệ thống khảo sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Sở GDĐT.</li> <li>- Thực hiện thí điểm theo yêu cầu của cấp trên.</li> </ul>	Ban giám hiệu, GVCN, nhân viên phụ trách CSDL, tổ trưởng, nhóm trưởng CM		
9	Áp dụng 100% các phần mềm phục vụ công tác quản lý chuyên môn và điện tử hóa hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai, khai thác các chức năng của phần mềm quản lý nhà trường SMAS</li> <li>- Áp dụng triển khai các hồ sơ quản lý điện tử gồm: Sổ điểm, Sổ liên lạc, Học bạ, Sổ theo dõi công văn đi – đến.</li> </ul>	Ban giám hiệu, GVCN, Kế toán, ăn thư, nhân viên phụ trách CSDL, tổ trưởng, nhóm trưởng CM	Áp dụng từ năm học 2021-2022.	
10	Ban hành Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, Quy chế dạy học trực tuyến	Xây dựng Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (có thể kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch dạy học hằng năm), Quy chế dạy học trực tuyến	Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn		Đ/c Thanh phụ trách

11	Xây dựng hệ thống học liệu dùng chung của ngành giáo dục, phục vụ dạy học; phục vụ người học tự học, tự nghiên cứu, trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	Tổ chức hướng dẫn giáo viên xây dựng các học liệu theo từng môn học, lĩnh vực và cung cấp học liệu lên kho học liệu của thành phố.	Ban giám hiệu, GVCN, nhân viên phụ trách CSDL, tổ trưởng, nhóm trưởng CM	Sử dụng hệ thống của Sở.	
12	Triển khai hoàn thiện hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong nhà trường đảm bảo liên thông (các cấp, ngành, lĩnh vực) để hoàn thành mục tiêu theo các giai đoạn.	Rà soát hệ thống dịch vụ trực tuyến theo thẩm quyền, hướng dẫn học sinh, phụ huynh khai thác sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của TP.	Ban giám hiệu, GVCN, nhân viên phụ trách CSDL	triển khai hướng dẫn khai thác, sử dụng Dịch vụ công trực tuyến của thành phố, ngành giáo dục cho CB, GV, NV, HS trong đơn vị theo hướng dẫn của Sở	Có thể lồng ghép hướng dẫn khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trong các hoạt động tập thể của nhà trường.
13	Triển khai các phần mềm quản lý tài chính, tài sản trong toàn trường.	Tổ chức nhập liệu theo đúng hướng dẫn của cấp trên về dữ liệu và thời gian quy định.	Ban giám hiệu, GVCN, Kế toán, văn thư, nhân viên phụ trách CSDL	Hoàn thành trước 31/12/2023.	
14	Triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong toàn trường. Từ năm 2023 thí điểm thực hiện thu học phí và các khoản thu thỏa thuận không dùng tiền mặt.	Tích cực tuyên truyền, vận động người học thanh toán học phí qua Ngân hàng hoặc các đơn vị thu hộ, ví điện tử; khai thác ứng dụng trên phần mềm hoạch toán các khóa thu đã trang bị.	Ban giám hiệu, GVCN, Kế toán, thủ quỹ, nhân viên phụ trách CSDL	Hoàn thành trước 31/12/2023	